

Số: 132 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 10/01/RV/CVGT ngày 12/10/2023 của Công ty TNHH MTV Run Yao về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 69/TTr-BQL ngày 20/10/2023 và Công văn số 2393/BQL-QHXDTNMT ngày 27/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Run Yao (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất 6.300 tấn sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất và gia công dệt nhuộm, gia công dán và in vải sợi các loại, công suất 6.300 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 7674942088 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 14/8/2018, chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 17/4/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801182692 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 20/8/2018, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 3801182692.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công dệt vải sợi, nhuộm vải; in vải sợi các loại, gia công dán vải các loại

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô D1, D3, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 30.682,1 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng 1 có diện tích 9.000 m²; nhà xưởng 2 có diện tích 4.968 m².

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà văn phòng có diện tích 725 m², nhà nghỉ chuyên gia có diện tích 521,5 m², khu vực đặt lò hơi có diện tích 959,2 m², trạm điện có diện tích 420 m², nhà bảo vệ có diện tích 20 m², bể phòng cháy chữa cháy có tổng diện tích 480 m²...

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15,8 m², kho chứa bùn thải có diện tích 54 m², kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 28 m², kho chứa chất thải công nghiệp (có thể tái chế) có diện tích 28 m², khu vực xử lý nước thải có diện tích 1.634 m².

+ Cây xanh có diện tích 6.370 m², đất giao thông có diện tích 5.938,6 m².

- Công suất:

+ Sản xuất và gia công, dệt vải sợi, nhuộm vải: 4.500.000 kg/năm.

+ In vải sợi các loại: 1.500.000 kg/năm.

+ Gia công dán vải các loại: 300.000 kg/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Run Yao:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH MTV Run Yao có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty TNHH C&N Vina nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 30 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Run Yao;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty TNHH C&N Vina;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-34GP 25/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Minh

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 132.../GPMT-UBND
ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc theo các văn bản: Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 1109/2018/HĐTD/R.Y ngày 11/9/2018; Biên bản thỏa thuận về việc tiếp nhận nước thải số 2409-2020BBTTNTR.Y ngày 24/9/2020; Biên bản xác nhận đầu nối số 0504/BBTT2023 ngày 05/4/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ Dự án bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày đêm, bao gồm: nước thải khu vực nhà ăn khoảng 2,25 m³/ngày đêm sau khi qua bể tách mỡ và nước thải từ nhà vệ sinh, rửa tay chân khoảng 11,25 m³/ngày đêm sau khi được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 547,4 m³/ngày đêm, bao gồm: nước thải sản xuất phát sinh từ các công đoạn sản xuất (nhuộm sợi, nhuộm vải, phòng thí nghiệm), vệ sinh nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải, xả đáy lò hơi được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1443912; Y = 4394558 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải nhà ăn sau bể tách dầu, nước thải sản xuất → Hồ thu → Máy chắn rác → Bể điều chỉnh → Tháp giải nhiệt → Thùng điều chỉnh pH → Bể kị khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng hóa học → Bể quan sát xả thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày đêm.
- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.
- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại. Nếu hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Nhiệt độ	°C	40
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng photpho	mg/l	6
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
10	Fe	mg/l	5
11	Cr ⁶⁺	mg/l	0,1
12	Cu	mg/l	2
13	Pb	mg/l	0,5
14	Coliforms	Vi khuẩn/100 ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 2.**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *132.../GPMT-UBND* ngày *30.../10.../2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực máy phát điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (nguồn số 01)	1347985	3639750
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí của máy phát điện (nguồn số 02)	1323785	3637600

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH MTV Run Yao, địa chỉ: tại lô D1, D3 thuộc KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.901 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường liên tục (24 giờ) qua ống thoát khí cao 19,1 mét, đường kính 600mm.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 4 mét, đường kính 90 mm, xả gián đoạn (chỉ phát sinh khi sử dụng máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1$)	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01			
1	Bụi	mg/Nm ³	200	- Tần suất quan trắc định kỳ: 6 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	
II	Dòng khí thải số 02 Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom thông qua ống thu khí dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý, sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống thải cao 19,1 mét.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom dẫn qua ống thải cao 4 mét.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Ống thu khí từ lò hơi → Cyclone tách bụi → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ → Ống thoát (chiều cao 19,1 mét, đường kính 0,6 mét).

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)₂.

1.2.2. Hệ thống thu gom, thoát khí thải máy phát điện

Khí thải → Ống thải cao 4 mét.

- Công suất thiết kế: 11.901 m³/giờ.
- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k_p = 1,0, k_v = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ..132./GPMT-UBND
ngày 30./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy nhuộm.
- Nguồn số 02: Khu vực máy in hoa.
- Nguồn số 03: Khu vực máy dán vải.
- Nguồn số 04: Khu vực máy dệt vải.
- Nguồn số 05: Khu vực máy lò hơi.
- Nguồn số 06: Khu vực máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	Nguồn số 01	1332294	4523500
2	Nguồn số 02	1375585	4486098
3	Nguồn số 03	1347338	4544791
4	Nguồn số 04	1428585	4558093
5	Nguồn số 05	1352820	4621764
6	Nguồn số 06	1323785	3637600

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn. Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: .1.32.../GPMT-UBND
ngày .30./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Cặn dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	NH	12
2	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	KS	10
3	Thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	18 01 02	KS	20
4	Bao bì thải	Rắn	18 01 01	KS	120
5	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	10 02 02	KS	60
6	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm	Lỏng	10 02 04	KS	2
7	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	12
8	Hộp mực máy in	Rắn	08 02 04	KS	3
9	Bao bì chứa hóa chất	Rắn	18 01 01	KS	26
10	Bùn thải (sau khi tách ẩm)	Bùn	12 06 05	KS	3.228
Tổng cộng					3.493

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vải hư hỏng sau công đoạn nhuộm	Rắn	10 02 05	TT	20,328
2	Sợi hư hỏng sau công đoạn nhuộm	Rắn	10 02 05	TT	12,626
3	Vải hư hỏng sau công đoạn dệt	Rắn	10 02 10	TT-R	12,50
4	Xi than	Rắn	04 01 06	TT	105,6
5	Ống giấy cuộn sợi, ống giấy cuộn vải, thùng carton hỏng...	Rắn	18 01 05	TT-R	0,21
6	Các loại bao bì	Rắn	18 01 11	TT-R	0,055
Tổng cộng					151,32

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 65 kg/ ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

CTNH được chứa trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ CTNH phát sinh.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 82 m² (gồm 2 khu vực: khu vực chứa bùn thải có diện tích 54 m², khu vực chứa các CTNH còn lại có diện tích 28 m²).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa CTNH có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn công nghiệp phát sinh.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 28 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, dán nhãn biển cảnh báo.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.4.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.4.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho: 15,8m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, dán nhãn biển cảnh báo.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1.32.../GPMT-UBND
ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất, công trình xử lý chất thải, không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư theo Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Đảm bảo hoạt động sản xuất của Dự án không thực hiện việc gia công nhuộm cho đơn vị bên ngoài.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.